

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN THỐT NỐT
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 59/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 16.8.2017

V/v: “Tranh chấp không công nhận quan hệ vợ chồng”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THỐT NỐT
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Nguyễn Thanh Điền**
- *Hội thẩm nhân dân:*
 1. Ông **Nguyễn Hữu Đức**
 2. Bà **Thái Ánh Trinh**
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thốt Nốt tham gia phiên tòa:* Bà **Đỗ Thị Thùy Trang** - Kiểm sát viên.
- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Ông **Huỳnh Trung Hiếu** - Cán bộ Tòa án nhân dân quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ.

Ngày 16 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 177/2017/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 6 năm 2017 về việc: “*Không công nhận quan hệ vợ chồng*”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 137/2017/QĐXX-ST ngày 28 tháng 7 năm 2017, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Huỳnh Thị M** sinh năm 1988
Trú tại: Ấp A, xã B, huyện C, thành phố Cần Thơ.
2. Bị đơn: Anh **Phạm Ngọc N** sinh năm 1985
HKTT: khu vực L, phường K, quận T, thành phố Cần Thơ.
Hiện trú tại: khu vực Q, phường K, quận T, thành phố Cần Thơ.
3. Người có quyền, lợi ích được bảo vệ:
 - 3.1/. Cháu **Phạm Thị Tí H** sinh ngày 15.12.2006
 - 3.2/. Cháu **Phạm Thị Huỳnh Gia T** sinh ngày 16.9.2011

(02 con chung đang sống với anh N và bên nội tại khu vực Q, phường K, quận T, thành phố Cần Thơ; và do anh N là người giám hộ).

(Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa; Bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn đề ngày 15.5.2017 và quá trình giải quyết vụ kiện, nguyên đơn chị Huỳnh Thị M trình bày:

Nguyên vào năm 2005 chị và anh N tự nguyện chung sống như vợ chồng nhưng không tổ chức lễ cưới và không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Sau khi

chung sống thì anh chị sống chung gia đình anh N, vợ chồng làm thuê để có tiền sinh sống và nuôi con chung.

Cuộc sống vợ chồng thời gian đầu hạnh phúc nhưng thời gian sau thì chị và anh N hay bất đồng quan điểm trong cuộc sống, thường xuyên xảy ra cự cãi làm cho mâu thuẫn không thể hàn gắn, ngoài ra anh N còn ham mê rượu trà và có mối quan hệ bất chính với người phụ nữ khác, thường xuyên vô cớ đánh chị, không tôn trọng gia đình bên vợ. Đến tháng 8.2016 anh N đánh và xua đuổi chị ra khỏi nhà nên chị về gia đình cha mẹ ruột sống ly thân với anh N từ đó đến nay.

Quá trình chung sống anh chị có 02 con chung tên Phạm Thị Tí H sinh ngày 15/12/2006 và Phạm Thị Huỳnh Gia T sinh ngày 16.9.2011, hiện đang sống với anh N và bên nội tại khu vực Q, phường K, quận T, thành phố Cần Thơ.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Do mâu thuẫn trầm trọng nên chị yêu cầu ly hôn đối với anh Phạm Ngọc N.

- *Về con chung*: Chị yêu cầu được quyền nuôi con chung tên Phạm Thị Huỳnh Gia T, sinh ngày 16/9/2011 đến trưởng thành; Đồng ý ổn định cho anh N được quyền nuôi con chung tên Phạm Thị Tí H, sinh ngày 15/12/2006 đến trưởng thành. Yêu cầu đối trừ nghĩa vụ cấp dưỡng nên không ai phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

- *Về tài sản chung, nợ chung*: Không có.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 28.7.2017 và quá trình giải quyết vụ kiện, bị đơn anh Phạm Ngọc N trình bày:

Anh thống nhất nội dung trình bày của nguyên đơn chị Huỳnh Thị M về hôn nhân, con chung, cũng như vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung. Cụ thể: vào năm 2005 anh và chị M tự nguyện chung sống như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Cuộc sống vợ chồng thời gian đầu hạnh phúc nhưng về sau thì xảy ra mâu thuẫn. Theo anh thì mâu thuẫn vợ chồng do tính tình không phù hợp và bất đồng quan điểm trong cuộc sống, thường hay cãi vã làm cho hạnh phúc gia đình bị đổ vỡ không thể hàn gắn được. Anh thừa nhận trước đây có mối quan hệ bất chính với người phụ nữ khác nhưng hiện nay đã chấm dứt không còn.

Do mâu thuẫn gia đình nên vào tháng 8.2016 thì chị M tự ý bỏ về nhà cha mẹ ruột để ly thân với anh từ đó cho đến nay. Nay chị M yêu cầu ly hôn thì anh đồng ý ly hôn.

Thời gian chung sống anh chị có 02 con chung tên Phạm Thị Tí H, sinh ngày 15/12/2006 và Phạm Thị Huỳnh Gia T, sinh ngày 16.9.2011, hiện do anh nuôi dưỡng. Anh yêu cầu được quyền tiếp tục nuôi 02 con chung tên Phạm Thị Tí H, sinh ngày 15/12/2006 và Phạm Thị Huỳnh Gia T, sinh ngày 16/9/2011 đến trưởng thành, không yêu cầu chị M cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Tại tờ tự khai ngày 28.7.2017 và quá trình giải quyết vụ kiện, người có quyền, lợi ích được bảo vệ cháu Phạm Thị Tí H trình bày:

Cháu là con của cha mẹ là anh Phạm Ngọc N và chị Huỳnh Thị M. Hiện nay cháu đang sống chung với cha là anh N và ông bà nội tại khu vực Q, phường K, quận T, thành phố Cần Thơ; cháu chuẩn bị vào lớp 6 trường Trung học cơ sở Trung Kiên thuộc khu vực Q, phường K, quận T, trường học gần nhà nơi cháu ở.

Nay cha mẹ cháu ly hôn thì cháu yêu cầu được sống với cha là Phạm Ngọc N và ông bà nội đến trưởng thành, không yêu cầu mẹ là bà Huỳnh Thị M cấp dưỡng nuôi con, vì hiện nay cha cháu có khả năng nuôi cháu đến trưởng thành.

Do chị M và anh N không đăng ký kết hôn nên Tòa án không tiến hành hòa giải về quan hệ hôn nhân. Nhưng, có tổ chức hòa giải, đối chất và phân tích, giải thích theo quy định của pháp luật về vấn đề liên quan (*con chung*) để các đương sự hiểu rõ quyền và nghĩa vụ của mình và để tự thỏa thuận với nhau về các vấn đề liên quan trong vụ kiện.

Tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ theo yêu cầu ban đầu; bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt.

Ý kiến của Kiểm sát viên:

./ Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và người tham gia tố tụng là đúng trình tự thủ tục luật định. Tuy nhiên, bị đơn vắng mặt không lý do nên đề nghị xét xử vắng mặt bị đơn theo thủ tục tố tụng;

./ Về nội dung: Do các đương sự không đăng ký kết hôn nên đề nghị tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa các đương sự; Đề nghị chấp nhận yêu cầu nuôi con Phạm Thị Huỳnh Gia T của nguyên đơn chị Huỳnh Thị M; Ổn định cho bị đơn anh Phạm Ngọc N được quyền nuôi con chung Phạm Thị Tí H - đối trừ nghĩa vụ cấp dưỡng nên không ai phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ pháp luật:* Chị Huỳnh Thị M với anh Phạm Ngọc N tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2005 nhưng không tổ chức lễ cưới theo phong tục, tập quán địa phương cũng như không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, do đó hôn nhân của anh chị không hợp pháp. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn, chị M làm đơn xin ly hôn đối với anh N, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “*Không công nhận quan hệ vợ chồng*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 8 điều 28, điểm a khoản 1 điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[2] *Xét quan hệ hôn nhân:*

Quá trình giải quyết vụ án, chị M và anh N thống nhất khai: anh chị chung sống năm 2005 được gia đình hai bên tác hợp, nhưng không tổ chức lễ cưới cũng như không đăng ký kết hôn - Điều này phù hợp với xác nhận của Ủy ban nhân dân phường

K, quận T và Ủy ban nhân dân xã B, huyện C (*bút lục: 29, 34*) nên có căn cứ xác định giữa chị M với anh N không đăng ký kết hôn là sự thật.

Chị M xin được ly hôn. Xét hôn nhân là tự nguyện, tiền bộ một vợ một chồng, vợ chồng bình đẳng với nhau. Ban đầu cả hai có ý chí xây dựng cuộc sống gia đình lâu dài nhưng quá trình chung sống anh chị chưa thật sự hiểu và thông cảm nhau, anh N thiếu quan tâm, chăm sóc vợ con nên khi xảy ra mâu thuẫn thì anh N không an ủi, cư xử đúng mực với chị M nên từ tháng 8.2016 chị M về nhà cha mẹ ruột sống ly thân với anh N từ đó đến nay. Thời gian sống ly thân kéo dài nhưng chị M và anh N không có biện pháp hàn gắn để trở về sum họp nên chị M khởi kiện yêu cầu được ly hôn đối với anh N; còn theo anh N thì từ khi ly thân đến nay anh chị không liên lạc nhau, cả hai vẫn không có biện pháp hàn gắn nên anh đồng ý ly hôn với chị M.

Hội đồng xét xử xét thấy, thực tế các đương sự đã sống ly thân từ tháng 8.2016 đến nay; suốt thời gian qua vợ chồng đã bỏ mặc, không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Xét thấy, tình cảm của anh chị đã thật sự rạn nứt nhưng vì anh chị không đăng ký kết hôn nên đã vi phạm khoản 1 điều 9, điều 14 Luật Hôn nhân & gia đình năm 2014 nên không chấp nhận cho chị M được ly hôn với anh N mà tuyên bố không công nhận vợ chồng giữa chị Huỳnh Thị M với anh Phạm Ngọc N là phù hợp.

[3] *Về con chung*: Các đương sự thống nhất vợ chồng có 02 con chung tên Phạm Thị Tí H, sinh ngày 15.12.2006 và Phạm Thị Huỳnh Gia T, sinh ngày 16.9.2011; Ngoài ra anh chị không có con nuôi hay con riêng nào khác. Điều này phù hợp với Giấy khai sinh của Tí H và Gia T nên có căn cứ xác định các cháu là con chung của chị M và anh N là sự thật.

Theo chị M thì sau khi ly thân, chị phải đi làm thuê để có nguồn thu nhập lo cho cuộc sống nên con chung vẫn tiếp tục sống với anh N và vẫn ở chung với ông bà nội của các cháu. Chị M yêu cầu được nuôi con chung Phạm Thị Huỳnh Gia T sinh ngày 16.9.2011 đến trưởng thành, không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con; Anh N yêu cầu được quyền nuôi 02 con chung tên Phạm Thị Tí H sinh ngày 15.12.2006 và Phạm Thị Huỳnh Gia T sinh ngày 16.9.2011 đến trưởng thành, không yêu cầu chị M cấp dưỡng nuôi con.

Hội đồng xét xử xét thấy: Cháu Phạm Thị Tí H, sinh ngày 15.12.2006, suốt từ khi vợ chồng chị M anh N cùng chung sống bên gia đình chồng và cho đến khi anh chị ly thân tháng 8.2016 thì cháu Tí H vẫn tiếp tục sinh sống và được cha ruột cùng gia đình bên nội chăm sóc nuôi dưỡng. Điều này phù hợp với biên bản lấy lời khai đối với bà Nguyễn Thị M₁ (mẹ ruột của bị đơn Phạm Ngọc N, bà nội của cháu Tí H): cháu Tí H từ khi sinh ra và lớn lên đã luôn sống cùng gia đình ông bà nội, kể từ khi vợ chồng M - N ly thân thì cháu vẫn luôn sống ổn định tại đây và anh N là người trực tiếp nuôi dưỡng con, phía ông bà nội hỗ trợ chăm sóc khi anh N đi làm và hiện nay cháu Tí H phát triển khỏe mạnh (*bút lục: 27, 28*).

Do đó, việc chị M đồng ý tiếp tục giao con chung (Tí H) cho anh N trực tiếp nuôi dưỡng đến trưởng thành theo nguyện vọng của cháu Tí H là phù hợp với thực tế,

không làm ảnh hưởng đến quyền lợi của con chung; bởi suốt thời gian qua và hiện nay cháu Tí H vẫn liên tục sống cùng cha ruột, được sự chăm sóc chu đáo từ anh N và gia đình bên nội nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với cháu Phạm Thị Huỳnh Gia T: Nguyên đơn trình bày hiện nay chị đang làm thuê, thu nhập trung bình mỗi tháng là 3.000.000 đồng, đủ để trang trải chi phí sinh hoạt và nuôi con chung đến trưởng thành. Nếu được quyền nuôi con thì chị về sống chung gia đình cha mẹ ruột để buôn bán và chăm sóc con; Bị đơn thì cho rằng: Do tính chất đặc thù của công việc làm thuê vận chuyển hàng hóa bằng tàu ghe nên thu nhập ổn định và cơ bản (6.000.000 đồng/tháng). Vì vậy, anh N yêu cầu trực tiếp nuôi con sẽ đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con chung.

Hội đồng xét xử xét thấy: Quá trình thu thập chứng cứ thể hiện: cháu Gia T rất ngoan ngoãn, lễ phép, có sức khỏe tốt, phát triển bình thường về thể chất và khả năng nhận biết, thực tế: ở độ tuổi gần 06 tuổi cháu đã cao 1,1m và cân nặng 20 kg, được nhà trường tặng thưởng giấy khen trong năm học.

Như vậy, chăm lo và giáo dục để cháu phát triển lành mạnh về thể chất và đạo đức (sự phát triển toàn diện của cháu như trên) đều có công lao vun đắp, tạo dựng của cả chị M và anh N. Nên việc vắng hoặc cha hoặc mẹ đều gây trở ngại cho cháu - thiếu thốn hơn về điều kiện kinh tế hoặc không đảm bảo tốt về tinh thần nên cần xem xét thỏa đáng để đảm bảo quyền lợi mọi mặt cho sự phát triển của trẻ.

Theo đó, nghề nghiệp/công việc sẽ phần nào ảnh hưởng trực tiếp đến việc chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Anh N đang làm thuê vận chuyển hàng hóa bằng tàu ghe nên thường xuyên phải vắng nhà khoảng 10 ngày mới về (theo sự thừa nhận của anh N – bút lục: 23, 24), trong khi ở độ tuổi này thì cháu Gia T hầu như chỉ phụ thuộc vào sự chăm sóc của người lớn. Điều này phù hợp với biên bản lấy lời khai của bà M₁ (mẹ ruột anh N): thì hiện nay vợ chồng bà là người trực tiếp chăm sóc cháu Tuệ vì anh N đi làm thuê khoảng 10 ngày - 30 ngày mới về thăm các con một lần (*bút lục: 27, 28*).

Thực tế, cháu T đang chuẩn bị vào học lớp 1 xem như chập chững bước vào một môi trường mới, cháu cũng còn quá nhỏ để hiểu biết mọi việc nên rất cần sự dìu dắt, dạy dỗ trực tiếp từ cha hoặc mẹ với những bước đi đầu đời.

Về phía chị M, chị đang làm thuê, nếu được quyền nuôi con thì chị về sống với cha mẹ ruột tại ấp A, xã B, huyện C để buôn bán chăm lo cho con. Riêng về điều kiện thực tế như trên, nhận thấy đủ điều kiện để chị M được quyền nuôi cháu T.

Với những phân tích trên là cơ sở quyết định: Giao cháu Phạm Thị Huỳnh Gia T cho chị Huỳnh Thị M trực tiếp nuôi đến trưởng thành.

Về vấn đề cấp dưỡng: Do chị M, anh N không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con - đối trừ nghĩa vụ. Điều này không trái quy định pháp luật và hoàn toàn có lợi cho các đương sự nên được Hội đồng xét xử ghi nhận.

Về quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con chung là thiêng liêng nên người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con chung; không ai được quyền cản trở

người không trực tiếp nuôi con thực hiện quyền này. Ngoài ra, khi người trực tiếp nuôi con không đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con chung thì người không trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con theo quy định của pháp luật.

[4] *Về tài sản chung, nợ chung*: Ghi nhận ý kiến của đương sự về việc không có tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] *Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm*: Nguyên đơn chị Huỳnh Thị M phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Khoản 8 điều 28, điểm a khoản 1 điều 35, điều 147, điều 220, điều 227, điều 228 và điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Khoản 1 điều 9, điều 53, 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí về lệ phí Tòa án.

Tuyên bố:

1. *Về hôn nhân*: Không công nhận chị Huỳnh Thị M với anh Phạm Ngọc N là vợ chồng.

2. *Về con chung*: Anh Phạm Ngọc N có nghĩa vụ giao con chung tên Phạm Thị Huỳnh Gia T, sinh ngày 16.9.2011 cho chị Huỳnh Thị M trực tiếp nuôi dưỡng đến trưởng thành. Anh Phạm Ngọc N được quyền trực tiếp nuôi con chung Phạm Thị Tí H sinh ngày 15.12.2006 đến trưởng thành. Đối trừ nghĩa vụ cấp dưỡng nên các bên không phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị M, anh N có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung; không ai được quyền cản trở chị M, anh N thực hiện quyền này. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. *Về tài sản chung và nợ chung*: Ghi nhận ý kiến của các đương sự về việc không có tài sản chung và nợ chung. Trường hợp sau này có phát sinh tranh chấp về tài sản chung và nợ chung thì được giải quyết thành vụ kiện khác.

4. *Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm*: Chị Huỳnh Thị M phải nộp 300.000 đồng, tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị M đã nộp theo phiếu thu số 002203 ngày 01.6.2017 được chuyển thành án phí. Chị M đã nộp xong.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn được quyền kháng cáo. Riêng bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày Tòa án niêm yết bản án tại địa phương để yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án và cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhân:

- TAND TP. Cần Thơ;
- VKSND quận T;
- THA quận T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
(đã ký)

Nguyễn Thanh Điền